

Bản án số: 13/2022/DS-ST  
Ngày: 15/4/2022  
Về vụ: “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Hoan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Thư.

2. Ông Lê Thanh Khánh.

***- Thư ký phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa tham gia phiên tòa:***  
Bà Doãn Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 03/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2019 về việc “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa và các Thông báo khác giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Bà Lê Thị X, sinh năm 1943; địa chỉ: thôn Phú L, xã Hòa Tân Đ, thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên. Ủy quyền cho ông Hồ Văn T, sinh năm 1976; địa chỉ: khu phố Phú H, phường Hòa Hiệp T, thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên và ông Bùi Trọng T, sinh năm 1994; địa chỉ khu phố 4, phường Hòa Vinh, thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên; tại văn bản ngày ủy quyền ngày 05/01/2021. Có mặt tại phiên tòa.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:**

- Ông Nguyễn Hữu P, Luật sư, văn phòng Luật sư Hồng P thuộc Đoàn Luật sư Thành Phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- Ông Lê Hồng D – Luật sư, thuộc Công ty Luật TNHH Dân A – thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên. Có mặt.

**\* Bị đơn:** bà Lê Thị T, sinh năm: 1950; địa chỉ: Khu phố Phú Thọ A, phường Hòa Hiệp T, thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên.

Đại diện theo ủy quyền bà Trần Thị Như T, Luật sư, văn phòng Luật sư Dân P thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Y. Tại văn bản ngày 29/4/2020. Có mặt.

**\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**

- Ủy ban nhân dân thị xã Đ - Đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Văn T – Chủ tịch; vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân phường Hòa Hiệp T, thị xã Đông H; vắng mặt.

- Anh Lê Văn V, sinh năm 1972; chị Lê Thị Kim H, sinh năm: 1976; cùng địa chỉ: Khu phố Phú T, phường Hòa Hiệp T, thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên;

- Anh Lê Ngọc P, sinh năm 1974, chị Lê Thị N, sinh năm 1978, chị Lê Thị N, sinh năm 1982, anh Lê Ngọc T, sinh năm 1984 và anh Lê Ngọc P, sinh năm 1989. Cùng địa chỉ: Khu phố Phú T, phường Hòa Hiệp T, thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên;

Tất cả ủy quyền cho bà Trần Thị Như T, Luật sư, văn phòng Luật sư Dân P thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Y. Có mặt.

Ông Lê Văn M, sinh năm 1947 là chồng của bà Lê Thị T (chết năm 2017).

**Người làm chứng:** ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1955 và ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1949; đồng địa chỉ: Khu phố Phú T, phường Hòa Hiệp T, thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên. vắng mặt

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị X và đại diện theo ủy quyền ông Hồ Văn T, ông Bùi Trọng T trình bày:*

Cụ Lê H (chết năm 1990), cụ Trương Thị N (chết 1948) sinh được hai người con Lê Thị X, sinh năm 1943 và Lê Văn M, sinh năm 1947. Trước năm 1959 cụ Lê H có khai hoang một thửa đất tại Phú T, Hòa Hiệp T, Đông H, Phú Yên. Năm 1959 cha bà X cụ H có xây dựng căn nhà trên phần đất này; từ khi cha bà x chết, em bà Xem là ông M và vợ bà Tg ở quản lý và sử dụng căn nhà và diện tích đất này. Đến năm 2017 ông M chết, năm 2018 bà X phát hiện và được biết ông M và bà T tiến hành làm các thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không hỏi ý kiến của bà X; được Ủy ban nhân dân huyện Đông H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 494663, số vào sổ CH 00752, thửa số 96, tờ bản đồ 25, diện tích 543,1m<sup>2</sup> (đất ở nông thôn 250m<sup>2</sup>, đất trồng cây hàng năm khác 293,1m<sup>2</sup>) cấp ngày 15/7/2013. Nay bà X xác định nguồn gốc đất và nhà của cụ Hoài tạo lập; yêu cầu chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất của cụ H theo qui định của pháp luật. Yêu cầu được nhận hiện vật diện tích đất 271,55m<sup>2</sup>. Đối với cây trồng và các vật kiến trúc xây dựng trên đất của bà T mà nằm trên phần đất bà X được hưởng thừa kế thì phải tháo dỡ trả lại đất; còn căn nhà cấp 4 do cụ H tạo lập thì nếu nằm trên phần đất bà X được hưởng thì cắt căn nhà này cho phù hợp với phần diện tích đất được nhận.

*\* Bị đơn bà Lê Thị T và đại diện theo ủy quyền bà Trần Thị Như T trình bày:*

Tài sản mà nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế là do ông Lê Văn M và bà Lê Thị T khai hoang và xây dựng nhà từ khoảng năm 1970, hiện trạng khi đó đất hoang nhiều bần chải, cây dừa và cây bụi lúc đầu diện tích đất 100m<sup>2</sup> sau đó khai hoang thêm; quá trình ở thì có sửa nhà ba đến bốn lần; đến năm 2005 thì sửa lại một lần nữa không ai tranh chấp gì cho đến nay, cây trồng và các tài sản khác do bị đơn tạo lập; bà Thăng và ông M thực hiện thuê nhà, đất và đã đăng ký quyền sử dụng đất và được cơ quan Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 96, tờ bản đồ 25, diện tích 543,1m<sup>2</sup>, (đất ở nông thôn 250m<sup>2</sup>, đất trồng cây hàng năm khác 293,1m<sup>2</sup>) số BP 494663, số vào sổ CH 00752 cấp ngày 15/7/2013 đúng theo quy định pháp luật. Vậy nay không chấp nhận chia di sản thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn bà Xem vì không có cơ sở.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn V, chị Lê Thị Kim H, anh Lê Ngọc P, chị Lê Thị N, chị Lê Thị N, anh Lê Ngọc T, anh Lê Ngọc P trình bày*

Thông nhất khai như lời khai của bị đơn; không chấp nhận chia di sản thừa kế của nguyên đơn.

*\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị xã Đông H và Ủy ban nhân dân Hòa Hiệp T: vắng mặt không có lời trình bày.*

*Người làm chứng ông Nguyễn Hữu T, ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Nhà và đất đang tranh chấp giữa bà Lê Thị X với bà Lê Thị T tại thửa 96, tờ bản đồ 25 hiện do bà Lê Thị T đang quản lý sử dụng có nguồn gốc là của Cụ Lê H tạo mãi. Trước đây chỉ có 01 gian nhà chính do Cụ Lê H xây dựng vào năm 1959, có niên hiệu năm 1959, nhưng đã bị bà Lê Thị T và các con bà T đập bỏ; còn gian nhà sau là do vợ chồng ông Lê Văn M, bà Lê Thị T tạo lập. Gian nhà chính quá trình sử dụng được vợ chồng ông Lê Văn M, bà Lê Thị T thay ngôi và có sửa chữa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của đương sự, chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký cũng đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị X chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cụ Lê H để lại theo qui định pháp luật; khi chia di sản thừa kế đề nghị HĐXX xem xét công sức tôn tạo và giữ gìn tài sản thừa kế của bà Lê Thị T và ông Lê Văn M.

Đối với chi phí mai táng, chăm sóc nuôi dưỡng người để lại di sản các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Đình chỉ việc nguyên đơn bà Lê Thị X rút yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân huyện (nay thị xã) Đông H cấp cho ông Lê Văn M, bà Lê Thị T tại thửa số 96, tờ bản đồ 25, số BP 494663, số vào sổ CH 00752 cấp ngày 15/7/2013.

Về lệ phí: chi phí định giá và xem xét, thẩm định tại chỗ bà Lê Thị T phải chịu.

Về án phí: bà Lê Thị X phải chịu, nhưng do người cao tuổi nên được miễn án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Áp dụng Điều 227 và 228

Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Về thời hiệu khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “...*Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, ..., kể từ thời điểm mở thừa kế...*”. Cụ Lê H chết năm 1990 tính đến ngày 24/12/2018 bà Nguyễn Thị X nộp đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu chia di sản của Cụ Lê H để lại vẫn còn trong thời hạn quy định, nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn. Tài sản tranh chấp và các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn thị xã Đông H. Căn cứ khoản 5, khoản 9 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa.

[3] Về nội dung tranh chấp và nguồn gốc tài sản: Trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện là hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bị đơn, mà chỉ yêu cầu chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất của Cụ Lê H chết năm 1990 không để lại di chúc theo quy định của pháp luật và các đương sự đều thừa nhận Cụ chỉ có hai người con là bà Lê Thị X và ông Lê Văn M. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự 2015 hàng thừa kế thứ nhất của Cụ Lê H tính tới thời điểm mở thừa kế là: bà Lê Thị X và ông Lê Văn M; tuy nhiên ông M đã chết năm 2017 các con của ông M là Lê Văn V, Lê Thị Kim H, Lê Ngọc P, Lê Thị N, Lê Thị Nh, Lê Ngọc T, Lê Ngọc Ph được hưởng tài sản thế vị. Nhưng bên bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu và không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế mà cho rằng tài sản là do bị đơn tạo lập.

Theo các tài liệu thu thập được và chứng cứ mà bị đơn cung cấp thể hiện tài sản mà nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Đông H đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn tại thửa đất số 96, tờ bản đồ 25, diện tích 543,1m<sup>2</sup> (trong đó đất ở nông thôn 250m<sup>2</sup>, đất trồng cây hàng năm khác 293,1m<sup>2</sup>) số BP 494663, số vào sổ CH 00752 cấp ngày 15/7/2013.

Qua xem xét các tài liệu chứng cứ đương sự cung cấp và xác minh tại chính quyền địa phương xét thấy: thửa đất của ông Lê Văn M đứng tên kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1999, còn thời gian từ trước năm 1999 thì chính quyền địa phương không nắm rõ; trong khi đó các nhân chứng như ông Nguyễn Hữu T, Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Th có quan hệ là cháu gọi Cụ Lê H là cậu ruột cùng sinh sống tại địa phương cho rằng thửa đất này do Cụ Lê H tạo lập từ năm 1959. Mặc khác thì cụ Lê H và cụ Trương Thị N từ khi kết hôn với nhau và sinh sống tại địa phương đến thời điểm mở thừa kế do nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế, thì nguyên đơn chỉ yêu cầu chia tài sản duy nhất là mảnh đất mà hiện tại bị đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; ngoài ra không yêu cầu chia thừa kế di sản nào khác, thiết nghĩ từ khi cụ Lê H kết hôn với cụ Trương Thị N sinh được hai người con

sau đó sinh sống ở đâu; cũng như qua xem xét thẩm định tại chỗ về tài sản tranh chấp xét thấy căn nhà thể hiện đã xuống cấp qua thời gian sửa chữa nhiều lần và theo phong tục tập quán ngày xưa thì khi xây dựng xong căn nhà người ta thường có đề niên hiệu tại thời điểm xây dựng căn nhà ngay trước mặt chính giữa, tuy nhiên hiện tại có dấu hiệu sửa chữa mới, nhưng không sửa chữa nhiều mà chỉ sửa chữa một phần nhỏ chính giữa căn nhà. Mặc khác khi lập biên bản thẩm tra hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị đơn bà Lê Thị T khai là đất khai hoang và xây dựng nhà ở năm 1975, tuy nhiên khi tranh chấp khai là năm 1970 là hai thời gian có mâu thuẫn với nhau.

Như vậy từ những nhận định phân tích ở trên cho thấy diện tích đất mà nguyên đơn bà Lê Thị X yêu cầu chia di sản thừa kế là của Cụ Lê H là có thực. Tuy nhiên từ khi Cụ Lê H chết năm 1990 đến nay do ông Lê Văn M (đã chết) và bà Lê Thị T đã quản lý sử dụng phần diện tích đất này, nên có một phần bảo quản và tôn tạo, giữ gìn tài sản thừa kế nên khi chia di sản phải xem xét công lao của người bảo quản tôn tạo bằng một phần chia di sản thừa kế là phù hợp.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, việc bà Lê Thị X khởi kiện là có căn cứ; nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị X chia di sản của Cụ Lê H theo quy định của pháp luật là diện tích đất 543,1m<sup>2</sup> trong đó (đất ở nông thôn 250m<sup>2</sup>, đất trồng cây hàng năm khác 293,1m<sup>2</sup>) được Ủy ban nhân dân huyện (nay thị xã) Đông H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn M, bà Lê Thị T tại thửa số 96, tờ bản đồ 25, số BP 494663, số vào sổ CH 00752 cấp ngày 15/7/2013; nhưng đất trồng cây hàng năm khác cấp cho gia đình bà Thắng, ông Minh (đã chết) trực tiếp quản lý sử dụng diện tích đất này. Vậy di sản của cụ Lê H là 250m<sup>2</sup> đất ở chia cho hai người con gồm bà Lê Thị X và ông Lê Văn M (đã chết) và xem xét công sức tôn tạo và giữ gìn tài sản thừa kế nên bà Lê Thị T, ông Lê Văn M (đã chết) được một phần di sản như những người được hưởng thừa kế, nhưng bà Lê Thị T và các con của ông Lê Văn M (đã chết) gồm Lê Văn Vg, Lê Thị Kim H, Lê Ngọc Ph, Lê Thị Nh, Lê Thị Nh, Lê Ngọc T, Lê Ngọc Ph không yêu cầu chia di sản của Cụ H; vậy 250 m<sup>2</sup> chia cho ba mỗi kỹ phần 83,33m<sup>2</sup> đất ở, nhưng hiện trạng thửa đất này bà T đã xây dựng các công trình kiên cố. Mặc khác nguyên đơn bà Lê Thị X từ khi lớn lên có chồng và hiện nay không ở nơi đây mà có nơi ở khác ổn định. Thiết nghĩ giao cho bà X giá trị bằng tiền kỹ phần được hưởng quyền sử dụng đất là phù hợp, giá đất ở tại thời điểm tranh chấp có giá trị là 2.000.000đồng/1m<sup>2</sup> thành tiền (83,33m<sup>2</sup> x 2.000.000đồng = 166.660.000đồng). Hiện tại bà Lê Thị T đang quản lý sử dụng thửa đất này và được cấp giấy chứng nhận. Vậy nên giao cho bị đơn bà T tiếp tục quản lý sử dụng khi có tranh chấp, thì giải quyết theo qui định của pháp luật và bà Thắng phải có trách nhiệm thối lại giá trị kỹ phần mà bà X được nhận với số tiền một kỹ phần 166.660.000đồng.

Đối với cây trồng trên đất: nguyên đơn thừa nhận là do bị đơn trồng

Đối với công trình xây dựng trên đất: Theo thẩm định đo vẽ hiện trạng thực tế thì có hai gian nhà cấp 4 và các công trình khác, nhưng nguyên đơn không yêu cầu chia tài sản này nên không xem xét.

Đối với chi phí mai táng, chăm sóc nuôi dưỡng người để lại di sản các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.



[4] Số tiền chi phí định giá tài sản và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 7.500.000đồng; bà T phải chịu, nhưng bà X đã nộp đủ, nên bà T có trách nhiệm hoàn lại cho bà X 7.500.000đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: nguyên đơn được nhận di sản thừa kế thì phải chịu tiền án phí theo quy định, cụ thể: 5% của giá trị kỷ phần tài sản thừa kế được hưởng theo quy định của pháp luật, nhưng nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 5, 9 Điều 26, các Điều 35, 39, 147, 217, 218, 219, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 611, 623, 649, 650, 651, 652, 660 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị X chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cụ Lê H theo pháp luật như sau:

Diện tích 250 m<sup>2</sup> đất ở chia cho ba, nên mỗi kỷ phần 83,33m<sup>2</sup> bà Lê Thị X nhận 83,33m<sup>2</sup> giá trị tại thời điểm tranh chấp là 2.000.000đồng/01m<sup>2</sup> thành tiền (83,33m<sup>2</sup> x 2.000.000đồng = 166.660.000đồng);

Buộc bà Lê Thị T phải có trách nhiệm thối lại giá trị kỷ phần quyền sử dụng diện tích đất ở 83,33m<sup>2</sup> thành tiền là 166.660.000đồng (*Một trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*) cho bà Lê Thị X.

- Giao cho bà Lê Thị T tiếp tục quản lý sử dụng diện tích đất 543,1m<sup>2</sup>(theo đo đạc diện tích đất hiện trạng sử dụng 531,8m<sup>2</sup>); tọa lạc tại Khu phố Phú Thọ A, phường Hòa Hiệp T, thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên. Được Ủy ban nhân dân huyện (nay thị xã) Đông H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn M, bà Lê Thị T tại thửa số 96, tờ bản đồ 25, số BP 494663, sổ vào sổ CH 00752 cấp ngày 15/7/2013. Có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp đất ông Lê Văn N;
- Phía Tây giáp đường bê tông;
- Phía Nam giáp đường đất;
- Phía Bắc giáp đất ông Lê Văn B.

Khi những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm Lê Văn V, Lê Thị Kim H, Lê Ngọc Ph, Lê Thị Nh, Lê Thị N, Lê Ngọc T, Lê Ngọc Ph có đơn yêu cầu chia di sản thì giải quyết theo qui định của pháp luật.

Đình chỉ việc nguyên đơn bà Lê Thị X rút yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân huyện (nay thị xã) Đông H cấp cho ông Lê Văn M, bà Lê Thị T tại thửa số 96, tờ bản đồ 25, số BP 494663, sổ vào sổ CH 00752 cấp ngày 15/7/2013.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa thi hành xong khoản tiền phải trả, thì hàng tháng

còn phải chịu tiền lãi theo lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Về chi phí định giá và xem xét, thẩm định tại chỗ là 7.500.000đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) bà T phải chịu. Bà Lê Thị X đã nộp đủ. Nên bà Lê Thị T phải có trách nhiệm trả lại cho bà X số tiền 7.500.000đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

#### **Về án phí:**

Bà Lê Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; nhưng do người cao tuổi nên được miễn án phí.

Hoàn trả cho bà Lê Thị X số tiền 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0000323 ngày 17/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện (nay là) thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết bản án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Đông Hòa;
- Chi cục THA dân sự thị xã Đông Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Hoan**

